

CÔNG TY TNHH KD THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ANH KHOA HJ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KD THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ANH KHOA HJ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110478462

3. Ngày thành lập: 18/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 17, Tòa nhà Vinaconex 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0584.072.791

Fax:

Email: cty.tmdv.anhkhohj93@gmail.com Website: om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649(Chính)
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Loại trừ bán buôn phần mềm)	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Lập trình máy vi tính	6201
6.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
7.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
8.	Cổng thông tin	6312
9.	Quảng cáo	7310
10.	Sản xuất sợi	1311
11.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
12.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
13.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
14.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
15.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
16.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
17.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
18.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
19.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
20.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511

21.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
22.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
24.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
25.	In ấn Chi tiết: In (Khoản 2, Điều 2, Nghị định 60/2014/NĐ-CP Quy định về Hoạt động in)	1811
26.	Dịch vụ liên quan đến in Loại trừ rập khuôn tem	1812
27.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
28.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
29.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
30.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
31.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
32.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
33.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
34.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
35.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
36.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
37.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
38.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
39.	Thu gom rác thải độc hại	3812
40.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
42.	Tái chế phế liệu	3830
43.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
44.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
45.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
46.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

